TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG NINH** **TỈNH QUẢNG BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2019/HSST
Ngày: 09/5/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Đức Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông: Nguyễn Xuân Hành

Nghề nghiệp: Giáo viên – Phó hiệu trưởng

Nơi công tác: Trường THCS Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

+ Ông Nguyễn Xuân Hiền

Nghề nghiệp: Phó chủ tịch HĐND

Nơi công tác: Xã Hàm Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phan Thị Mỹ Trang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân*** *huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa*: Bà Đinh Thị Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 05/2019/HSST ngày 01/3/2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2019/HSST-QĐXX ngày 29 tháng 03 năm 2019 đối với:

- *Bị cáo*: **Nguyễn Văn Đ**- sinh ngày 17 tháng 02 năm 2001, tại xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Nơi cư trú: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con bà Nguyễn Thị T (đã chết); tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo*: Bà Nguyễn Thị H, địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người bào chữa*: Bà Nguyễn Thị Hương Thủy – Trợ giúp viên pháp lý – Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Phạm Thị T, địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Chị Phạm Thị L, địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Bà: Ngô Thị Sen, địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh: Trương Đình P, địa chỉ: Thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Chị: Nguyễn Thị Bảo D, địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh : Phan Văn T, địa chỉ: 260 đường L, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

2. Bà: Lê Thị L, địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

3. Anh Phạm Xuân Toàn, địa chỉ: Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 45 phút ngày 13/11/2018, chị Phạm Thị T đưa chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 73G1 – 195.84 vào để nhờ trong nhà bà Lê Thị L (là mẹ đẻ chị T) tại Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình vì nhà chị đang sửa chữa, hai bên không có hợp đồng gửi giữ tài sản và không thỏa thuận về trách nhiệm bồi thường khi mất tài sản. Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 13/11/2018, Nguyễn Văn Đ (sinh ngày 17/02/2001) đi ngang nhà bà Lê Thị L, thấy cửa không đóng, trong nhà bật điện sáng và không có người nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. Khi vào trong nhà thấy xe mô tô của chị T dựng trong nhà không có chìa khóa nên đi tìm và lấy chìa khóa xe ở tủ thờ cắm vào xe, dắt bộ ra đường rồi nổ máy đem về cất giấu ở khu lăng mộ xã G. Đến khoảng 11 giờ ngày 16/11/2018, Đ đưa xe về thành phố Đ, đến hiệu cầm đồ của anh Phan Văn T tại số 260 đường L, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình để hỏi bán xe. Khi bị anh T phát hiện, điện thoại cho

chị T, Đ bỏ lại chiếc xe và bỏ trốn. Anh T báo Cơ quan công an đến làm việc và thu giữ chiếc xe trên.

Quá trình điều tra, Đ khai nhận còn thực hiện các vụ trộm cắp sau:

Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 21/4/2018, Nguyễn Văn Đ đi bộ dọc theo Quốc lộ 1A thì phát hiện trước sân quán cà phê S của anh Phạm Xuân T ở thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình có dựng 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 73 G1 – 042.71 màu đỏ đen của chị Phạm Thị Lc (là em gái của anh T) để nhờ ở quán, (không có hợp đồng gửi giữ). Đ đi vào thấy xe không khóa cổ nên dắt bộ ra đường đi về nhà, ngày hôm sau Đ đi cắt chìa khóa và đưa về giấu ở khu lăng mộ xã G, đến sáng ngày 24/4/2018 Đ đưa xe đến và viết giấy bán cho anh Trương Minh P (là thợ sửa chữa xe máy) ở tại thôn B, xã H, huyện Q, tỉnh Quảng Bình với giá 2.200.000 đồng và cho biết xe của mình bị mất giấy tờ. Sau đó anh P bán xe lại cho một người không quen biết với giá 2.800.000 đồng. Số tiền bán được Đ tiêu xài cá nhân hết.

Vụ thứ 2: Vào khoảng 01 giờ 00 giữa tháng 6/2018, Đ đi bộ ngang qua nhà bà Ngô Thị S ở thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình thấy nhà bà S không đóng cửa, đèn hiên bật sáng. Đ chui hàng rào cổng đi vào nhà, thấy mọi người đang ngủ, Đ tìm quanh nhà thì thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng hồng đang sạc pin để cạnh tủ đầu giường nên lấy rồi đi về nhà. 02 ngày sau Đ cho chị Nguyễn Thị Bảo D (là con dì ruột của Đ) ở thôn B, xã G chiếc điện thoại trên để sử dụng và nói do nhặt được.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 28/11/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh định giá tài sản là chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Lead biển số 73G1- 195.84 tại thời điểm bị mất trộm có giá trị 35.200.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 21/12/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quảng Ninh định giá tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển số 73G1 – 042.71 tại thời điểm bị mất trộm có giá trị 12.000.000 đồng; máy điện thoại di động hiệu Samsung trị giá 2.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã thu giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu chị Phạm Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda LEAD biển số 73G1 – 195.84; trả lại cho bà Ngô Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu samsung do chị Nguyễn Thị Bảo D giao nộp; Riêng đối với xe Yamaha Jupiter của chị Phạm Thị L không thu giữ được.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại chị Phạm Thị L thỏa thuận với bị cáo về bồi thường chiếc xe với giá 10.000.000 đồng, đã nhận 5.000.000 đồng từ bị cáo, còn lại 5.000.000 đồng chưa bồi thường.

Bị hại bà Ngô Thị S và chị Phạm Thị T đã nhận lại tài sản, không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Quá trình điều tra, anh Trương Đình P không biết việc bị cáo trộm xe đem bán nên cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý, anh P đã tự nguyện bồi thường thay cho bị cáo 600.000 đồng - là tiền chênh lệch bán xe. Đối với chị Nguyễn Thị Bảo D là người được bị cáo cho sử dụng điện thoại của bà Ngô Thị S, do chị D không biết tài sản do Đ lấy trộm mà có nên cơ quan điều tra không xem xét xử lý.

Bản cáo trạng số 07/THQCT-KSĐT-KT ngày 28/02/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn Đ tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung Bản cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52. Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự, xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 12 đến 18 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đã xử lý xong nên miễn xét

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường tiếp giá trị chiếc xe Yamaha Jupiter cho chị Phạm Thị L.

- Bị cáo Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Bản cáo trạng đã quy kết và thống nhất theo quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

- Người bào chữa trình bày: Nhất trí theo Bản cáo trạng và ý kiến luận tội của Kiểm sát viên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự về chính sách người chưa thành niên phạm tội để xem xét cho bị cáo được hưởng án treo vì bị cáo có hoàn cảnh đặc biệt, không có bố, mẹ chết, bị cáo được các bị hại Ngô Thị S, Phạm Thị T có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt.

- Bà Ngô Thị S trình bày: Đã nhận lại tài sản là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung và không có ý kiến hay yêu cầu gì, bà S xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Ninh, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh, Điều tra viên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi,

quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa, vắng mặt bà Nguyễn Thị H, là người đại diện hợp pháp của bị cáo Đ vì khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên, tại phiên tòa, bị cáo đã trên 18 tuổi và không có đề nghị hoãn phiên tòa do vắng mặt của bà H; đối với việc vắng mặt của các bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, vì vậy, Tòa án tiếp tục xét xử vụ án mà không phải hoãn phiên tòa.

[3] Quá trình điều tra cũng như tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình: Bị cáo đã 03 lần thực hiện hành lấy trộm tài sản, cụ thể vào ngày 13/11/2018 lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead, biển kiểm soát 73G1 – 195.84 có giá trị 35.200.000 đồng của chị Phạm Thị T; ngày 21/4/2018 lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter biển kiểm soát 73 G1 – 042.71 màu đỏ đen của chị Phạm Thị L; và giữa tháng 6/2018, lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu trắng hồng của bà Ngô Thị S, tất cả các hành vi lấy trộm tài sản đều xảy ra tại Thôn Đ, xã G, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo Đ đã lén lút lấy trộm các tài sản mà theo kết luận của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thì trị giá tài sản tại thời điểm bị bị cáo chiếm đoạt, bao gồm: xe Honda Lead trị giá 35.200.000 đồng, xe Yamaha Jupiter trị giá là: 12.000.000 đồng; Máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung trị giá: 2.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt là 49.200.000 đồng. Xét thấy, lời khai nhận của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác cùng các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, do đó đã có đủ căn cứ để kết luận: bị cáo Nguyễn Văn Đ đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Như vậy, có đủ cơ sở để khẳng định Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Ninh và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đối với bị cáo về tội danh, khung hình phạt như trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Về đánh giá tính chất, mức độ hành vi của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo thực hiện với lỗi cố ý, không chỉ xâm phạm đến tài sản thuộc quyền sở hữu của người khác được pháp luật bảo vệ mà còn xâm phạm đến trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo lắng và ảnh hưởng đến đời sống sinh hoạt của người dân. Vì vậy, phải xử lý hình sự đối với bị cáo là cần thiết nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người tốt và giáo dục, phòng ngừa chung đối với xã hội.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo 03 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, các lần thực hiện hành vi đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên thuộc trường hợp phạm tội 02 lần trở lên được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

Khi quyết định hình phạt cần xem xét cho bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã bồi thường một phần tài sản chiếm đoạt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Ngô Thị S, chị Phạm Thị T có đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà bị cáo được hưởng.

Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên được hưởng chính sách của người chưa thành niên phạm tội, Bản thân bị cáo là người có hoàn cảnh không bình thường, mồ côi nên dẫn đến thiếu thốn về tinh thần, vật chất, do đó việc xử lý bị cáo cần đảm bảo lợi ích tốt nhất cho bị cáo và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp bị cáo sửa chữa sai lầm, trở thành công dân có ích cho xã hội, do đó cần áp dụng các Điều 91, 101 của Bộ luật hình sự để xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Từ những phân tích trên, xét thấy cần cách ly bị cáo Đ ra ngoài xã hội một thời gian tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để bị cáo có điều kiện cải tạo, sớm trở thành người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[6] Về vật chứng vụ án*:* Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện Quảng Ninh đã thu giữ và xử lý trả lại cho chủ sở hữu chị Phạm Thị T 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda LEAD biển số 73G1 – 195.84; trả lại cho bà Ngô Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung do chị Nguyễn Thị Bảo D giao nộp,quá trình điều tra, không ai có ý kiến hay yêu cầu gì, như vậy các vật chứng trên đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không xem xét. Riêng đối với xe Yamaha Jupiter của chị Phạm Thị L đã bị bán đi không thu giữ được nên không xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Chị Phạm Thị T, bà Ngô Thị S đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì đối với bị cáo Đ, chị Phạm Thị L có yêu cầu bồi thường chiếc xe với số tiền 10.000.000 đồng (thấp hơn giá trị hội đồng định giá xác định), đây là sự tự nguyện của chị L, nghĩ nên chấp nhận, buộc bị cáo phải bồi thường số tiền trên cho chị L là phù hợp với các Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự. Ghi nhận việc bồi thường trước 5.000.000 đồng từ bị cáo cho chị L, còn lại số tiền 5.000.000 đồng cần buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho chị Phạm Thị L là phù hợp pháp luật.

[8] Đối với anh Trương Minh P, do quá trình mua bán xe mô tô Yamaha Jupiter biển số 73G1 - 042.71, anh P không biết xe do bị cáo trộm cắp tài sản mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là đúng quy định của pháp luật. Hiện nay anh P tự nguyện nộp lại 600.000 đồng là số tiền thu được từ việc mua bán

chiếc xe, là tiền có được từ việc mua bán tài sản phạm tội mà có, số tiền này đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án huyện Quảng Ninh, nghĩ nên tịch thu, sung ngân sách nhà nước là phù hợp pháp luật.

Đối với chị Nguyễn Thị Bảo D, là người được bị cáo Đ cho sử dụng máy điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của bà Ngô Thị S, quá trình sử dụng máy, chị D không biết máy điện thoại do Đ trộm cắp mà có nên không cấu thành tội phạm, cơ quan điều tra không xử lý là đúng quy định.

[9] Về án phí*:* Bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định, tuy nhiên, bị cáo là người thuộc hộ cận nghèo, có đơn xin miễn giảm án phí xác nhận của UBND xã G nên miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố : Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội *"Trộm cắp tài sản";*

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 91; khoản 1 Điều 101 của của Bộ luật hình sự; phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 12 *(mười hai*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về vật chứng vụ án: Không xem xét

3. Về trách nhiệm dân sự : Áp dụng khoản 2 Điều 47 của Bộ luật hình sự, các Điều 584, 585, 587, 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đạt có trách nhiệm bồi thường số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*) - là giá trị chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter biển số 73G1 – 042.71 theo yêu cầu của bị hại Phạm Thị L, ghi nhận việc bồi thường số tiền 5.000.000 đồng trong giai đoạn điều tra của bị cáo Đạt, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ còn phải bồi thường số tiền còn lại 5.000.000 đồng *(năm triệu đồng)* cho chị Phạm Thị L.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, căn cứ Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 600.000 đồng (*sáu trăm ngàn đồng)* hiện đang tạm giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh theo biên lai thu tiền số 0001449 ngày 01/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình vì là tiền mua bán xe mô tô do trộm cắp mà có.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi

hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. *Án phí sơ thẩm :* Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự và áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (*hai trăm ngàn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Văn Đ.

Án xử sơ thẩm, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, những người vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Ninh;
- Công an huyện Quảng Ninh;
- Chi cục THADS huyện Quảng Ninh;
- THA phạt tù;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đức Long